

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Xây mới trạm y tế xã Hữu Sản, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 683/TTr-TNMT ngày 01/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Xây mới trạm y tế xã Hữu Sản, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang” (sau đây gọi là dự án) của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện Sơn Động (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Hữu Sản, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

1. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định¹: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án; về kết quả thẩm

¹ Thành lập theo Quyết định số 855/QĐ-TNMT ngày 29/8/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường

định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án tại Điều 1 Quyết định này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Y tế, Sở Xây dựng; UBND huyện Sơn Động, UBND xã Hữu Sản, Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện Sơn Động và tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Chủ dự án (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
 - + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
 - + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
 - + Lưu: VT, KTN Việt Anh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của Dự án “Xây mới trạm y tế xã Hữu Sản, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang”
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /11/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Xây mới trạm y tế xã Hữu Sản, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.
- Địa điểm thực hiện: Xã Hữu Sản, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.
- Chủ dự án: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện Sơn Động.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi: Dự án “Xây mới trạm y tế xã Hữu Sản, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang” được thực hiện tại xã Hữu Sản, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang với diện tích khoảng 0,5ha tương đương khoảng 5.000 m².

- Quy mô, công suất của dự án: Đầu tư xây dựng các hạng mục công trình dự án “Xây mới trạm y tế xã Hữu Sản, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang” trên diện tích khoảng 5.000 m², bao gồm: San nền, xây mới Nhà trạm y tế, xây mới nhà ăn, nhà bếp, xây mới nhà để xe, sân, bồn hoa, cổng, tường rào, hệ thống cấp điện, hệ thống cấp thoát nước,...

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Các hạng mục công trình của dự án đầu tư gồm: San nền, xây mới Nhà trạm y tế, xây mới nhà ăn, nhà bếp, xây mới nhà để xe, sân, bồn hoa, cổng, tường rào, hệ thống cấp điện, hệ thống cấp thoát nước,...

- Hoạt động của dự án đầu tư:

- + Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án.
- + Hoạt động vận hành dự án.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước 02 vụ trở lên với diện tích 4.700 m²;

Theo quy định tại điểm đ, khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì dự án thuộc đối tượng có yếu tố nhạy cảm về môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Việc chiếm dụng đất, di dân và tái định cư: Dự án chiếm dụng khoảng 5.000 m² đất, trong đó: Đất trồng lúa nước 02 vụ: 4.700 m²; đất khác: 300 m².

- Hoạt động giải phóng mặt bằng: Tác động do hoạt động chuẩn bị mặt bằng, phát quang thực vật,...

- Hoạt động san nền và thi công xây dựng các hạng mục công trình:

+ Bụi và khí thải phát sinh từ các nguồn sau: Từ hoạt động san nền và đào đắp móng; Từ quá trình vận chuyển đất đắp, nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị; Từ quá trình bốc dỡ, lưu trữ nguyên vật liệu xây dựng; Từ quá trình đốt cháy nhiên liệu của máy móc, thiết bị thi công; Từ quá trình hàn; Từ quá trình vệ sinh công trình sau khi thi công.

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng trên công trường; Nước thải từ quá trình thi công xây dựng; nước mưa chảy tràn.

+ Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng; chất thải rắn từ hoạt động giải phóng mặt bằng; chất thải từ hoạt động đào đắp san nền và chất thải rắn từ hoạt động thi công xây dựng.

+ Chất thải nguy hại gồm giẻ lau, găng tay nhiễm thành phần nguy hại; ốc quy, pin thải, bao bì cứng bằng kim loại thải, que hàn thải, dầu nhớt tổng hợp thải, thùng chứa dầu nhớt.

- Tác động do tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của máy móc, thiết bị xây dựng.

- Tác động gây nên bởi các rủi ro, sự cố như: Sự cố tai nạn lao động; sự cố cháy nổ; sự cố tai nạn giao thông; rủi ro, sự cố do thiên tai,...

2.2. Giai đoạn vận hành

- Bụi, khí thải:

+ Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông ra vào trạm y tế;

+ Khí thải phát sinh từ hoạt động khám, chữa bệnh;

+ Mùi hôi phát sinh từ khu nhà vệ sinh, bể tự hoại, hệ thống thoát nước thải, khu lưu chứa rác thải;

+ Khí thải phát sinh từ máy điều hòa nhiệt độ;

+ Khí thải phát sinh từ hoạt động đun nấu tại nhà bếp.

- Nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, nhân viên, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân tại dự án.

+ Nước thải phát sinh từ hoạt động khám, chữa bệnh gồm: nước rửa dụng cụ y tế, rửa tay của cán bộ nhân viên trong quá trình khám, chữa bệnh.

+ Nước mưa chảy tràn kéo theo bụi từ mái nhà, đất cát từ sân, đường đi nội bộ,... xuống hệ thống thoát nước mưa.

- Chất thải rắn:

+ Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, y bác sỹ, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân sinh hoạt tại trạm y tế.

+ Chất thải rắn y tế thông thường phát sinh hoạt động khám, chữa bệnh.

+ Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động khám, chữa bệnh, tiêm chủng tại dự án, từ hoạt động hàng ngày của các phòng ban của Trạm y tế.

- Tác động gây ra bởi rủi ro, sự cố như: Sự cố cháy nổ, chập điện; sự cố tai nạn giao thông; sự cố lây lan dịch bệnh,...

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các

giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

3.1.1. Nước thải, khí thải

- Nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng phát sinh khoảng 1,8 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng là tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅, COD, dầu mỡ động thực vật, tổng Coliforms,...

+ Nước thải phát sinh từ quá trình thi công xây dựng khoảng 0,7 m³/ngày đêm với thông số ô nhiễm đặc trưng là: Chất rắn lơ lửng, BOD₅, COD, tổng dầu mỡ khoáng,... Trong đó:

++ Nước thải thi công bao gồm nước thải từ hoạt động vệ sinh dụng cụ, thiết bị (cuốc, xẻng, dao xây, thước xây, xô thùng đựng vật liệu,... không dính dầu mỡ) phát sinh khoảng 0,5 m³/ngày.

++ Nước thải từ hoạt động rửa xe phát sinh khoảng 0,2m³/ngày.

+ Nước mưa chảy tràn trên khu vực thi công xây dựng kéo theo bụi, đất, cát và các chất lơ lửng ... vào nguồn tiếp nhận. Thông số ô nhiễm đặc trưng là COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS)...

- Bụi, khí thải:

+ Bụi phát sinh từ hoạt động san nền, đào đắp móng; bụi từ quá trình vận chuyển đất đắp, nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị; bụi từ quá trình bốc dỡ, lưu trữ nguyên vật liệu (cát, sỏi, xi măng,...); bụi từ quá trình vệ sinh công trường sau thi công hoàn chỉnh. Thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi.

+ Bụi, khí thải từ quá trình đốt cháy nhiên liệu của máy móc, thiết bị thi công trên công trường. Thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi, SO₂, NO_x, CO...

+ Khí thải phát sinh từ công đoạn hàn có thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, NO_x, khói hàn....

3.1.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

* Chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân khoảng 9 kg/ngày.

- Chất thải phát sinh từ hoạt động phát quang thảm thực vật khoảng 0,235 tấn. Thành phần gồm rom, rạ, cành cây, lá cây, cỏ, cây bụi, gốc rễ,...

- Chất thải phát sinh từ hoạt động di dời cột điện dân sinh hiện trạng khoảng 2 tấn chân cột thành phần là bê tông.

- Chất thải phát sinh từ hoạt động đào đắp, san nền: Tổng khối lượng đất đào thi công san nền và xây dựng các hạng mục công trình dự án khoảng 5.014 m³, tương đương khoảng 7.019,6 tấn, trong đó gồm: đất đào móng cấp 3 là 4.074 m³ tương đương khoảng 5.703,6 tấn; đất hữu cơ bóc bề mặt là 940 m³ tương đương khoảng 1.316 tấn.

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động xây dựng khoảng 32,22 tấn/cả quá

trình thi công, tương đương khoảng 107,4 kg/ngày, trong đó gồm:

+ Chất thải rắn như đầu sắt thép, bao bì carton, nilon,... khoảng 17 kg/ngày.

+ Chất thải là các chất trơ, không gây độc như gạch vỡ, đất cát dư thừa,... khoảng 75 kg/ngày.

+ Chất thải còn lại là gỗ ván hỏng, bao bì xi măng,... khoảng 15,4 kg/ngày.

* Chất thải nguy hại như: Giẻ lau, găng tay nhiễm thành phần nguy hại, ắc quy, pin thải, bao bì cứng bằng kim loại thải, que hàn thải, dầu nhớt tổng hợp thải,... phát sinh khoảng 45,2 kg/tháng.

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các máy móc, thiết bị xây dựng (máy khoan, máy ủi, máy xúc, ô tô vận tải,...). Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT áp dụng đối với tiếng ồn phát sinh từ dự án, QCVN 27:2010/BTNMT áp dụng đối với độ rung phát sinh từ dự án.

3.1.4. Các tác động khác

- Tác động đến kinh tế- xã hội khu vực; tác động đến giao thông khu vực và trên tuyến đường vận chuyển; tác động do bom mìn tồn lưu trong đất,...

- Tác động bởi các rủi ro, sự cố của dự án: Sự cố tai nạn lao động; sự cố cháy nổ; sự cố tai nạn giao thông; rủi ro, sự cố thiên tai,...

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Nước thải, khí thải

* Nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, nhân viên, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân tại dự án khoảng 1,94 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), dầu mỡ động thực vật, tổng Coliforms,...

- Nước thải phát sinh từ hoạt động khám, chữa bệnh gồm nước rửa dụng cụ y tế, rửa tay của cán bộ nhân viên trong quá trình khám, chữa bệnh phát sinh khoảng 0,5 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng là vi khuẩn gây bệnh, BOD₅, COD, chất rắn lơ lửng, chất khử trùng,...

- Nước mưa chảy tràn kéo theo bụi từ mái nhà, đất cát từ sân, đường đi nội bộ,... xuống hệ thống thoát nước mưa. Thông số ô nhiễm đặc trưng là tổng chất rắn lơ lửng (TSS), COD,...

* Khí thải:

- Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông ra vào trạm y tế. Thông số đặc trưng là bụi, CO, SO₂, NO_x,...

- Khí thải phát sinh từ hoạt động khám, chữa bệnh: Hóa chất sát khuẩn có khả năng bay hơi như cồn, cloramin B, oxy già, NaOCl,...; mùi hoá chất trong khu vực chứa dược phẩm và thuốc khử trùng.

- Hơi hoá chất từ các dung môi làm vệ sinh, tẩy rửa sàn chủ yếu là các hơi hoá chất Benzyl, polyetylen,....

- Mùi hôi phát sinh từ khu nhà vệ sinh, bể tự hoại, hệ thống thoát nước thải, khu lưu chứa rác thải. Thông số ô nhiễm đặc trưng là NH_3 , CH_4 , H_2S ,...

- Khí thải phát sinh từ máy điều hoà nhiệt độ.

- Khí thải phát sinh từ hoạt động đun nấu tại nhà bếp. Thông số ô nhiễm đặc trưng là NO_2 , CO_2 , CO ,...

3.2.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, y bác sỹ và bệnh nhân và người nhà bệnh nhân sinh hoạt tại trạm y tế khoảng 14,4 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là vỏ bao bì thực phẩm, chai lọ đựng nước uống, vỏ hộp cơm, thức ăn thừa,...

- Chất thải rắn y tế thông thường phát sinh từ hoạt động khám, chữa bệnh khoảng 2,5 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là túi nilon, bì carton, các dây truyền dịch không dính máu, dính dịch thể người; các chai nhựa, đồ nhựa, bì carton, vỏ chai truyền dịch, vỏ hộp thuốc, giấy báo không chứa chất lây nhiễm, chất độc hay chất phóng xạ,...

- Chất thải nguy hại từ hoạt động khám chữa bệnh, tiêm chủng tại dự án, từ hoạt động hàng ngày của các phòng ban của Trạm y tế khoảng 1.154 kg/năm. Thành phần chủ yếu là chất thải lây nhiễm: kim tiêm, xi lanh, băng gạc dính máu hoặc dịch sinh học của cơ thể, các thiết bị y tế vỡ hỏng đã qua sử dụng có chứa thủy ngân và các kim loại nặng (nhiệt kế, huyết áp kế,...), vỏ chai thuốc, lọ thuốc, các dụng cụ dính thuốc thuộc nhóm độc tế bào và có cảnh báo từ nhà sản xuất, pin, ắc quy thải bỏ, cát và than hoạt tính thay thế định kỳ tại ngăn lọc 2 của bể tự hoại thải...

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn phát sinh không đáng kể từ hoạt động của phương tiện giao thông ra vào dự án.

3.2.4. Các tác động khác

- Tác động đến kinh tế - xã hội, an ninh trật tự khu vực.

- Tác động do rủi ro, sự cố như: Sự cố cháy nổ, chập điện; sự cố lây lan dịch bệnh; sự cố hệ thống cấp, thoát nước; sự cố thu gom, lưu chứa chất thải.

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

* Nước thải sinh hoạt: Trang bị 01 nhà vệ sinh di động có dung tích bồn chứa chất thải khoảng từ 7m^3 đến 10m^3 . Chủ dự án thuê đơn vị có chức năng đến hút chất thải tại bồn chứa chất thải mang đi xử lý theo quy định (tần suất khoảng 1 lần/tuần hoặc khi bể chứa đầy).

* Nước thải thi công xây dựng

- Nước thải từ hoạt động vệ sinh dụng cụ, thiết bị (cuốc, xẻng, dao xây, thước xây, xô thùng đựng vật liệu,... không dính dầu mỡ): Bố trí khoảng 05 thùng phuy dung tích 200 lít/thùng chứa nước thải rửa nguyên vật liệu; vệ sinh dụng cụ, thiết bị. Sau đó nước này được tận dụng cho công tác phối trộn vữa, bê tông,... hoặc dập bụi tại chỗ khu vực thi công, không thoát ra môi trường.

- Nước thải từ hoạt động rửa xe: Xây dựng tại công trường thi công 01 hố lắng cấu tạo 03 ngăn, dung tích 05 m³/hố để thu gom, lắng lọc toàn bộ nước thải từ hoạt động rửa bánh xe. Nước thải sau khi lắng, lọc được tái sử dụng vào mục đích rửa bánh xe, làm ẩm nguyên vật liệu thi công, tưới nước dập bụi trên công trường thi công.

* Nước mưa chảy tràn:

- Vạch tuyến phân vùng thoát nước tạm: Các tuyến thoát nước tạm thời phải đảm bảo tiêu thoát triệt để, không gây úng ngập trong suốt quá trình xây dựng và không làm ảnh hưởng đến khả năng thoát thải của các khu vực bên ngoài dự án. Bố trí rãnh thoát nước tạm thời giai đoạn thi công dự án được thiết kế là rãnh đất kích thước từ B400 đến B1500 có tổng chiều dài khoảng 200m, trên mương rãnh có bố trí các hố ga lắng cặn thể tích từ 1 đến 1,5m³ với khoảng cách trung bình giữa các hố ga là từ 20m đến 30m, hướng thoát nước phù hợp theo thiết kế san nền.

- Không tập trung các loại nguyên vật liệu gàu, cạnh các tuyến thoát nước để ngăn ngừa thất thoát rò rỉ vào đường thoát nước thải.

- Thường xuyên kiểm tra công, rãnh thoát nước, nạo vét bùn tại các hố ga với tần suất 02 tuần/lần và trước các trận mưa lớn để phòng ngừa tắc nghẽn đường công thoát nước, tránh nguy cơ gây úng ngập.

4.1.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Tất cả các phương tiện vận chuyển nguyên liệu (đất, cát, xi măng, đá...) được phủ kín thùng xe để ngăn ngừa phát tán bụi vào môi trường, đối với các loại nguyên liệu lỏng, các chất được lưu chứa trong các phuy thùng và được kiểm tra cẩn thận khi bốc dỡ cũng như vận chuyển.

- Thực hiện phun nước dập bụi các khu vực sau:

+ Trong quá trình san nền, đơn vị nhà thầu thi công sẽ thực hiện tưới ẩm với tần suất trung bình 02 lần/ngày và tăng tần suất lên 3 đến 4 lần/ngày vào các ngày hanh khô, nắng nóng, tại những khu vực phát sinh ra nhiều bụi.

+ Tưới ẩm dọc theo các tuyến đường vận chuyển đất và vật liệu xây dựng 02 lần/ngày, tăng tần suất lên 3 đến 4 lần/ngày trong những ngày khô hanh, nắng nóng, chiều dài tuyến đường phun nước trong phạm vi 1km từ vị trí dự án.

- Dựng hàng rào bằng tôn cao từ 2m đến 3m hạn chế bụi phát tán từ quá trình san lấp, đặc biệt là khu vực phía dân cư.

- Không sử dụng các phương tiện, thiết bị (xe, máy thi công quá cũ) đã

quá thời gian đăng kiểm hoặc không được các trạm Đăng kiểm cấp phép do lượng khí thải vượt quá tiêu chuẩn cho phép.

- Trong quá trình hàn cắt kim loại che chắn bằng các vật liệu không cháy hoặc di chuyển các vật liệu dễ cháy ra khỏi khu vực hàn cắt (tối thiểu 10m). Không để vảy hàn có nhiệt độ cao tiếp xúc với các vật liệu dễ cháy, phải có biện pháp an toàn phòng cháy chữa cháy và phương án xử lý cháy, nổ. Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân trực tiếp hàn (khoảng 5 công nhân).

- Trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động (găng tay, nón bảo hộ, kính mắt, khẩu trang...) cho công nhân làm việc tại công trường, đồng thời nhắc nhở yêu cầu công nhân sử dụng.

4.1.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

4.1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 02 thùng chứa rác có nắp đậy, dung tích 100 lít/thùng đặt tại khu vực lán trại để thu gom chất thải rắn sinh hoạt, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định (tần suất 02 ngày/lần).

- Chất thải từ hoạt động phát quang thảm thực vật: Trước khi tiến hành giải phóng mặt bằng, tạo điều kiện cho người dân thu hoạch toàn bộ nông sản, cây trồng. Phần còn lại như gốc, rễ, thân cây,... được thu gom, sau đó thuê đơn vị có chức năng đến vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Đối với chất thải phát sinh từ dịch chuyển đường điện: Phần thân cột và đường dây tháo dỡ cho người dân tận dụng hoặc thu hồi về kho quản lý. Phần móng cột bê tông đề nghị đơn vị thi công đập nhỏ tận dụng san lấp mặt bằng tại dự án.

- Chất thải từ hoạt động san nền:

+ Đất hữu cơ bóc bề mặt: Được tận dụng san nền khu vườn trồng cây thuốc nam và đất cây xanh của Trạm y tế.

+ Đất đào móng (đất cấp 3): Được tận dụng để san nền dự án.

Chủ dự án phải thực hiện các quy định của Luật Khoáng sản và pháp luật khác có liên quan khi tận dụng đất cho dự án.

- Chất thải rắn xây dựng: Thực hiện phân loại và xử lý như sau:

+ Đối với các loại chất thải có thể tái chế như đầu mẩu sắt thép, bao bì carton, nilon,...: Thu gom và bán cho các cơ sở thu mua, tái chế.

+ Các loại các chất thải là các chất trơ, không gây độc như gạch vỡ, đất cát dư thừa,... được đập nhỏ san lấp vào khu vực nhà xe của dự án.

+ Đối với cốp pha, ván khuôn được chủ dự án tận dụng tối đa cho hoạt động thi công xây dựng công trình và tận dụng cho các công trình khác. Các chất thải còn lại là gỗ ván hỏng, bao bì xi măng,... ký hợp đồng với đơn vị có

chức năng vận chuyển mang đi xử lý đúng quy định, dự kiến 1 lần/tuần.

4.1.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Bố trí 04 thùng chứa có dung tích 100 lít/thùng có nắp đậy đặt tại khu vực lưu trữ tạm thời chất thải nguy hại (CTNH) trên công trường để thu gom lượng CTNH dạng rắn.

- Bố trí 01 phuy chứa dung tích 200 lít/thùng có nắp đậy đặt tại khu vực lưu trữ tạm thời CTNH trên công trường để thu gom lượng CTNH dạng lỏng.

- Mỗi loại CTNH được thu gom, lưu trữ, phân loại và dán nhãn CTNH theo đúng quy định.

- Bố trí khu vực lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại, có biển báo theo đúng quy định (dùng loại Container chứa có dung tích 6 m³). Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại mang đi xử lý theo quy định với tần suất khoảng 06 tháng/lần.

4.1.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Chủ đầu tư khuyến khích nhà thầu sử dụng các thiết bị có mức gây ồn thấp. Để giảm bớt tiếng ồn và rung động cần phải có kế hoạch thi công hợp lý, các thiết bị thi công gây tiếng ồn lớn như máy khoan, máy đào... không được hoạt động trong khoảng thời gian từ 21 giờ đến 6 giờ sáng hôm sau.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân tiếp xúc trực tiếp với nguồn phát sinh tiếng ồn (chụp tai, mũ bảo hiểm,...)..

- Quy định tốc độ xe, máy móc khi hoạt động trong khu vực dự án, trên các đoạn đường chạy qua các khu dân cư tập trung, các khu công cộng, trường học.

- Kiểm tra mức ồn, rung trong quá trình xây dựng, từ đó đặt ra lịch thi công cho phù hợp để đạt mức ồn tiêu chuẩn cho phép theo các quy chuẩn hiện hành.

4.1.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Đề ra các nội quy lao động, hướng dẫn cụ thể vận hành, an toàn cho máy móc, thiết bị. Đồng thời kiểm tra chặt chẽ và có biện pháp xử lý đối với các cá nhân vi phạm.

- Kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị thường xuyên đảm bảo thiết bị luôn hoạt động tốt.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, các thiết bị ứng phó kịp thời với sự cố xảy ra.

- Thành lập đội PCCC được lựa chọn từ các công nhân tham gia thi công lực lượng này được tổ chức học tập huấn luyện nghiệp vụ cơ bản về công tác PCCC.

- Bố trí bể chứa nước, đồng thời bố trí các thùng phuy 100 lít đựng cát khô.

- Lập rào chắn tại khu vực công trường thi công, có bố trí các biển báo, cảnh báo nguy hiểm tại đầu vào khu vực thi công. Thắp đèn chiếu sáng và lắp đèn tín hiệu cảnh báo tại đoạn đường có công trường thi công khi trời tối.

- Phân luồng giao thông, hạn chế tối đa sự tập trung quá đông các phương tiện giao thông cùng lúc, treo biển chỉ dẫn hạn chế tốc độ trong khu vực thi công tránh các tai nạn đáng tiếc.

- Thường xuyên nạo vét hệ thống cống rãnh, khơi thông dòng chảy, tăng khả năng tiêu thoát úng, thoát nước cho hệ thống thoát nước trong mùa mưa bão.

- Xây dựng hệ thống thoát nước tạm thời và thường xuyên kiểm tra, định kỳ bảo trì, bảo dưỡng đảm bảo tiêu thoát nước cho khu vực, đặc biệt trong mùa mưa, bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai, không làm gia tăng rủi ro thiên tai và phát sinh thiên tai mới.

- Sử dụng các máy bơm công suất lớn để bơm nước tại vị trí ngập úng thoát ra mương quy hoạch tiếp nhận.

4.2. Giai đoạn vận hành

4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.2.1.1. Công trình và biện pháp thu gom và xử lý nước thải

* Nước thải sinh hoạt:

- Nước thải nhà bếp: Được thu gom qua lưới chắn rác để tách rác thô, dẫn vào bể tách dầu mỡ 02 ngăn có kích thước: 1m x 1,2m x 0,6m, sau đó đầu nối vào đường ống thoát nước thải của dự án thoát ra mương tiếp nhận.

- Nước thải từ hoạt động rửa tay, rửa thiết bị, dụng cụ y tế có chứa dịch thải: Được xử lý sơ bộ trước khi đưa về bể tự hoại 05 ngăn để xử lý chung với nước thải nhà vệ sinh. Sau khi thực hiện tiêu phẫu tại buồng thủ thuật/buồng khám:

+ Cán bộ y tế sẽ làm sạch tay bằng dung dịch khử khuẩn;

+ Tất cả các các mô, mẫu bệnh phẩm, máu dính trên dụng cụ y tế sau phẫu thuật được nhân viên y tế dùng bông y tế lau sạch, lưu giữ vào các thùng hoặc hộp chứa chất thải nguy hại để vận chuyển đi xử lý theo quy định.

+ Các dụng cụ được dùng để thực hiện các thủ thuật (như: khâu, rửa vết thương mềm...) sau khi dùng bông y tế lau sạch, dụng cụ được rửa dưới vòi nước sạch.

+ Các dụng cụ được dùng để thực hiện các thủ thuật liên quan đến sản khoa, sinh đẻ kế hoạch hóa gia đình có dính mô, mẫu bệnh phẩm, máu, vi sinh vật. Sau khi dùng bông y tế lau sạch để xử lý triệt để các loại vi khuẩn hoặc nấm gây bệnh bám dính trên dụng cụ, dụng cụ y tế sẽ được ngâm với dung dịch khử khuẩn hoặc viên khử khuẩn.

- Nước thải từ các khu nhà vệ sinh: Được thoát kín hoàn toàn trong hệ thống ống dẫn về 2 bể tự hoại 5 ngăn cải tiến dung tích 11 m³/bể của dự án để xử lý cùng với nước thải từ hoạt động rửa tay, rửa thiết bị, dụng cụ y tế.

- Nước thải sau xử lý qua 02 bể tự hoại thoát riêng ra 02 hố ga khử trùng để xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT (cột B) sau đó thoát riêng theo 02 đường ống PVC D90 ra hố xả chung trước khi thải ra môi trường tiếp nhận là mương thoát nước thuộc khu vực thôn Sản, xã Hữu Sản, huyện Sơn Động.

* Nước mưa chảy tràn:

- Xây dựng hệ thống thoát nước mưa và thoát nước thải hoàn toàn tách biệt, đảm bảo khả năng thoát nước của dự án.

- Nước mưa từ mái các công trình được của dự án được thu gom bằng các ống đứng PVC D110 về rãnh thoát nước B400 của dự án.

- Nước mưa sân đường dự án được thu về hệ thống rãnh thoát nước mưa B400 có tổng chiều dài 129,79m sau đó đầu vào cống D600 dài 6m vào cống tròn bê tông cốt thép D1000 thoát ra cửa xả CX1.

- Lắp đặt tuyến cống tròn bê tông cốt thép D1000 có tổng chiều dài 111m. Điểm đầu nối với mương xây hiện trạng tại hố ga B1, điểm cuối là cửa xả CX1 ra hố xả chung chảy ra cầu qua QL31.

- Lắp đặt tuyến cống hộp BxH=(2X2)m có tổng chiều dài 52m. Điểm đầu nối với mương đất hiện trạng tại cửa thu C1, điểm cuối là cửa xả CX2 ra hố xả chung chảy ra cầu qua QL31

- Trên cống, rãnh thoát nước bố trí 13 hố ga xây gạch kích thước (0,6x1,2x0,1)m để lắng cặn và điều hướng thoát nước.

- Toàn bộ nước mưa chảy tràn qua dự án thoát ra hố xả chung gần cống dự án sau đó chảy ra cầu qua QL31 vào mương thoát nước thuộc khu vực thôn Sản, xã Hữu Sản, huyện Sơn Động.

- Định kỳ 3 tháng/lần chủ dự án sẽ kiểm tra, nạo vét hệ thống thoát nước, kiểm tra phát hiện hỏng hóc, mất mát để có kế hoạch sửa chữa, thay thế kịp thời;

4.2.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

* Giảm thiểu bụi, khí thải từ phương tiện giao thông ra vào trạm y tế:

- Thường xuyên quét dọn, vệ sinh khu vực xung quanh dự án sau mỗi ngày làm việc. Tưới nước, rửa làm sạch sân đường xung quanh khu vực dự án để giảm bụi phát tán nhất là trong những ngày khô hanh.

- Giới hạn vận tốc di chuyển trong khu trạm.

- Lập nội quy ra vào khu vực trạm y tế, tắt máy xuống xe khi đến, đỗ vào nhà để xe tuân thủ đúng quy định của dự án.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực trạm y tế nhằm hạn chế phát tán bụi.

* Giảm thiểu khí thải từ hoạt động khám, chữa bệnh:

- Các phòng khám có hệ thống cửa sổ, hệ thống thông khí đồng bộ và được thiết kế đảm bảo số lần trao đổi không khí tự nhiên và nhân tạo theo các tiêu chuẩn thiết kế chuyên ngành.

- Thường xuyên vệ sinh sạch sẽ khu vệ sinh tại các phòng khám, chữa bệnh bằng các biện pháp như:

+ Các phòng ban được cấp đủ điện, nước, găng tay vệ sinh, chổi, xô, xà phòng, dung dịch khử khuẩn,...

+ Đặt các thùng rác trong các nhà vệ sinh, hằng ngày được nhân viên vệ sinh thu gom.

+ Nền của các phòng được lát gạch nhẵn, khô, không thấm nước luôn được lau chùi sạch sẽ hằng ngày bằng nước sát khuẩn.

- Thực hiện thu gom ngay sau khi phát sinh chất thải, không vứt ra bên ngoài, không để tạm bợ. Thực hiện thu gom rác sau cuối ngày làm việc hoặc khi túi rác chứa đầy $\frac{3}{4}$ về kho chứa rác của trạm. Không lưu chứa rác trong thời gian dài, tránh các hoạt động phân huỷ, lây nhiễm phát tán mùi ra ngoài môi trường.

- *Áp dụng quy trình bảo quản và sử dụng hoá chất đúng quy định.*

* Mùi hôi từ khu nhà vệ sinh, bể tự hoại, hệ thống thoát nước thải, khu lưu chứa rác:

- Phun các chất sát khuẩn tại khu vực nhà vệ sinh, thay thế nắp cống hỏng, định kỳ tiến hành nạo vét cống, rãnh thoát nước để hạn chế sự phát tán mùi ra môi trường xung quanh.

- Đối với mùi phát sinh từ khu lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt: Toàn bộ chất thải rắn được chứa trong bao bì và thùng đựng có nắp đậy để hạn chế mùi sinh ra từ quá trình phân huỷ chất hữu cơ.

- Đối với mùi phát sinh từ khu nhà vệ sinh: Nhà vệ sinh của dự án thường xuyên được dọn rửa và khử mùi. Tại mỗi nhà vệ sinh sẽ bố trí 01 quạt hút mùi. Trong quá trình hoạt động của trạm sẽ chú trọng đến việc nâng cao ý thức của cán bộ công nhân viên, người bệnh nhằm giữ gìn vệ sinh chung

- Đối với mùi phát sinh từ hệ thống thu gom, thoát nước thải: Định kỳ bổ sung chế phẩm EM cho bể tự hoại và định kỳ kiểm tra tình trạng thu gom, thoát nước thải của hệ thống cống thoát nước, nạo vét, sửa chữa khi cần để đảm bảo nước thải không tồn đọng trong khu vực dự án gây mùi hôi khó chịu.

* *Khí thải phát sinh từ hoạt động đun nấu tại nhà bếp*

- Trong thiết kế kiến trúc, tại khu vực nhà bếp có bố trí hệ thống thông gió tự nhiên.

- Trạm y tế sử dụng nhiên liệu sạch, như ga, điện, không sử dụng bếp than tổ ong hoặc các nhiên liệu như củi, trấu, rơm,... để hạn chế phát sinh và lan toả của bụi, khói và khí thải độc hại.

4.2.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

4.2.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường.

* Đối với chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa:

+ Bố trí trí khoảng 10 thùng đựng rác có nắp đậy với dung tích khoảng 15 lít/thùng đặt tại khu vực văn phòng, phòng ban khám bệnh, nhà vệ sinh, nhà ăn, lối đi... để thu gom các chất thải như bao bì thực phẩm phát sinh từ hoạt động ăn uống của cán bộ công nhân viên và bệnh nhân, người nhà bệnh nhân.

+ Bố trí 02 thùng chứa có nắp đậy dung tích 100 lít/thùng đặt tại kho chứa chất thải rắn sinh hoạt.

- Kho chứa chất thải rắn sinh hoạt:

Bố trí 01 kho chứa chất thải rắn sinh hoạt có diện tích 3 m² được xây dựng có kết cấu: Nền đổ bê tông, tường xây gạch chỉ đặc trát vữa xi măng, sơn chống thấm, mái lợp tôn.

- Biện pháp xử lý:

+ Hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng định kỳ 2 lần/tuần vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

+ Đối với bùn thải của bể tự hoại được chủ dự án định kì thuê các đơn vị có chức năng đến hút đi xử lý với tần suất khoảng 1 lần/năm.

* Đối với chất thải rắn y tế thông thường:

- Thực hiện phân loại, thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế theo thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế.

- Chất thải rắn y tế thông thường được phân loại vào các túi đựng và thùng đựng có màu sắc theo Quy định, cụ thể:

+ Túi hoặc thùng có lót túi và có màu trắng đựng chất thải tái chế được.

+ Túi hoặc thùng có lót túi và có màu xanh đựng chất thải thông thường không tái chế được.

+ Thùng đựng chất thải: Làm bằng nhựa có tỷ trọng cao, thành dày và cứng, mỗi thùng chứa các túi, hộp đựng với màu tương ứng: Thùng màu trắng để thu gom các túi đựng chất thải màu trắng; thùng màu xanh để thu gom các túi đựng chất thải màu xanh.

+ Bên ngoài túi, thùng đựng chất thải có biểu tượng chất thải phù hợp.

- Thiết bị lưu chứa chất thải y tế thông thường:

+ Bố trí khoảng 10 thùng chứa có nắp đậy dung tích 15 lít/thùng đặt tại các buồng, phòng khám chữa bệnh.

+ Bố trí 2 thùng chứa có nắp đậy dung tích 100 lít/thùng đặt tại kho chứa chất thải y tế thông thường.

- Kho chứa chất thải y tế thông thường:

+ Bố trí 01 kho chứa chất thải rắn y tế thông thường có diện tích 3m² với kết cấu xây dựng: Nền đổ bê tông, tường xây gạch chỉ đặc trát vữa xi măng, mái lợp tôn, cửa đóng kín có khoá.

- Biện pháp xử lý:

+ Hằng ngày, nhân viên của trạm y tế thu gom, vận chuyển chất thải y tế thông thường và có những biện pháp lưu trữ, xử lý đối với từng loại như sau:

+ Đối với các loại chất thải rắn y tế thông thường có thể sử dụng để tái chế: các chai nhựa, đồ nhựa, bìa carton, vỏ hộp thuốc, vỏ chai truyền dịch,... được thu gom vào các thùng chứa, bao chứa đặt trong kho chứa chất thải rắn y tế

thông thường. Trạm y tế lưu trữ tại kho và định kỳ bán lại cho đơn vị thu mua về để tái chế (tần suất 1 lần/tháng).

+ Các loại chất thải rắn y tế thông thường như chai lọ thủy tinh vỡ (loại chai lọ không chứa hoá chất, thuốc có thành phần nguy hại), túi nilon,...: Thu gom vào 2 thùng chứa bằng nhựa chuyên dụng có nắp đậy dung tích 100 lít/thùng. Sau đó trạm y tế sẽ thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định (tần suất khoảng 1 lần/tháng)

4.2.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Phân loại chất thải nguy hại:

Đối với chất thải lây nhiễm:

+ Chất thải lây nhiễm sắc nhọn (kim tiêm, bơm liên kim tiêm, đầu sắc nhọn của dây truyền, kim chọc dò, kim châm cứu, lưỡi dao mổ, mảnh thủy tinh vỡ, các vật sắc nhọn khác đã qua sử dụng thải bỏ có dính, chứa máu của cơ thể hoặc vi sinh vật gây bệnh): Bỏ vào trong thùng kháng thủng có màu vàng;

+ Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn bao gồm bông, băng, gạc, gang tay, các chất thải không sắc nhọn khác thấm, dính, chứa máu của cơ thể, chứa vi sinh vật gây bệnh: Bỏ vào trong thùng có lót túi và có màu vàng;

+ Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao bao gồm dụng cụ đựng dính mẫu bệnh phẩm, chất thải phát sinh từ buồng bệnh cách ly, khu vực test cho người mắc bệnh truyền nhiễm: Bỏ vào trong thùng có lót túi và có màu vàng;

+ Dụng cụ thu gom chất thải lây nhiễm phải đảm bảo kín, không rò rỉ dịch thải trong quá trình thu gom.

+ Chất thải lây nhiễm phải thu gom riêng từ nơi phát sinh về kho chứa chất thải nguy hại của Trạm y tế. Trước khi thu gom, túi đựng chất thải phải buộc kín miệng, thùng đựng chất thải phải có nắp đậy kín.

Đối với chất thải nguy hại không lây nhiễm:

+ Được phân loại để lưu giữ trong các thùng chứa dung tích 50 lít/thùng có nắp đậy, được dán nhãn tên chất thải nguy hại, mã chất thải nguy hại tương ứng đặt tại kho chất thải nguy hại diện tích 3 m². Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định, tần suất 06 tháng/1 lần.

- Thiết bị lưu chứa:

+ Bố trí 2 hộp an toàn đựng chất thải nguy hại là vật sắc nhọn, đặt tại các phòng tiêm, phòng châm cứu. Hộp màu vàng chất liệu giấy Duplex kháng thủng, dung tích 3 lít/hộp;

+ Bố trí 10 thùng có nắp đậy dung tích 12 lít/thùng đặt tại các phòng chức năng. Thùng chứa bằng nhựa màu vàng, có nắp đậy, có lót túi nilon màu vàng có nhãn dán bên ngoài.

+ Bố trí 3 thùng có nắp đậy dung tích 100 lít/thùng đặt tại kho chứa chất thải nguy hại.

- Kho chứa chất thải nguy hại:

Bố trí 01 kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 3m² với kết cấu xây dựng: Nền đổ bê tông, tường xây gạch chỉ đặc trát vữa xi măng, mái lợp tôn, cửa đóng kín có khoá, treo biển cảnh báo CTNH.

- Biện pháp xử lý:

Toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh tại dự án được phân loại, lưu giữ và quản lý theo Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 quy định về quản lý chất thải y tế trong khuôn viên cơ sở y tế. Trạm y tế ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thu gom vận chuyển chất thải nguy hại đi xử lý theo quy định đảm bảo CTNH có khả năng lây nhiễm không lưu chứa quá 02 ngày tại trạm và chất thải nguy hại khác không lưu chứa quá 06 tháng tại trạm.

4.2.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Quy định vận tốc tối đa được phép ra vào Trạm y tế, tắt máy dặt xe khi đến làm việc, khám, chữa bệnh. Tăng cường trồng và chăm sóc cây xanh.

4.2.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Xây dựng và ban hành nội quy về giữ gìn an ninh trật tự - bảo vệ môi trường - ứng xử văn hóa tại trạm y tế.

- Trang bị hệ thống báo cháy, đèn hiệu, còi cứu hoả. Định kỳ kiểm tra mức độ tin cậy của các thiết bị an toàn (Báo cháy, chữa cháy, chống sét, aptomat...) để có biện pháp thay thế kịp thời.

- Tuyên truyền giáo dục về các biện pháp phòng chống và ứng cứu sự cố cháy nổ cho người bệnh, người nhà bệnh nhân và cán bộ nhân viên trong trạm.

Các thiết bị điện được tính toán dây dẫn có tiết diện hợp lý với cường độ dòng. Lắp đặt thiết bị an toàn cho đường dây tải điện và thiết bị tiêu thụ điện...

- Khi cán bộ y bác sỹ trạm y tế có biểu hiện ốm, nhiễm bệnh cần đưa đến phòng cách ly kịp thời để chữa trị cùng với bệnh nhân.

- Toàn bộ cán bộ y bác sỹ làm việc phải được nâng cao ý thức vệ sinh môi trường và y tế. Đồng thời, trạm trưởng cũng quán triệt các y bác sỹ nghiêm chỉnh chấp hành các quy định về an toàn lao động tại nơi làm việc.

- Kiểm tra sức khoẻ định kỳ cho toàn thể cán bộ y bác sỹ nhằm phát hiện kịp thời các bệnh nghề nghiệp để có phương án phòng và điều trị.

- Trong quá trình làm việc, khám, chữa bệnh các y bác sỹ sẽ được trang bị đầy đủ đồ bảo hộ như áo Blouse, khẩu trang, găng tay,... theo đúng quy định của từng bộ phận.

- Đối với các bệnh nhân mắc các bệnh truyền nhiễm sẽ được bố trí ở tại phòng riêng, đeo khẩu trang đầy đủ, phòng thường xuyên được xịt khử khuẩn để hạn chế phát tán bệnh cho người khác.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Trong giai đoạn thi công, xây dựng (thuộc trách nhiệm của chủ dự án)

* Không khí làm việc

- + Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực thi công xây dựng;
- + Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, bụi, tiếng ồn, CO, SO₂, NO₂
- + Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- + Quy chuẩn so sánh: QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT; QCVN 26:2016/BYT, QCVN 24:2016/BYT.

* *Nước thải sinh hoạt dự án*: Trang bị nhà vệ sinh di động có dung tích bể chứa chất thải khoảng từ 7m³ đến 10 m³. Chủ dự án thuê đơn vị có chức năng đến hút chất thải tại bể chứa chất thải mang đi xử lý theo quy định (tần suất khoảng 1 lần/tuần hoặc khi bể chứa đầy), do đó không có nước thải ra ngoài môi trường nên không thực hiện giám sát môi trường nước thải trong giai đoạn này.

* *Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại*: Thực hiện quản lý chất thải phát sinh theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT- BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

5.2. Trong giai đoạn vận hành dự án (thuộc trách nhiệm của đơn vị được giao quản lý dự án)

5.2.1. Nước thải

- Nước thải của dự án phát sinh khoảng 2,44 m³/ngày đêm. Căn cứ khoản 2 Điều 97 và Phụ lục XXVIII ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ thì dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ đối với nước thải.

- Toàn bộ nước thải được thu gom, xử lý tại đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế trước khi thải ra môi trường.

- Đơn vị được bàn giao quản lý dự án thực hiện theo dõi, giám sát thường xuyên đường ống thu gom nước thải, hoạt động của Bể tự hoại.

5.2.2. Chất thải rắn thông thường

- Vị trí giám sát: Tại khu vực tập trung chất thải.

- Thông số giám sát: Khối lượng, thành phần, biện pháp thu gom, xử lý.

- Tần suất: Hàng ngày

- Thực hiện quản lý chất thải phát sinh theo Thông tư số 02/2022/TT- BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường; Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 quy định về quản lý chất thải y tế trong khuôn viên cơ sở y tế.

5.2.3. Chất thải nguy hại

- Vị trí giám sát: Tại khu vực lưu giữ CTNH.

- Thông số giám sát: Chủng loại và khối lượng CTNH.

- Tần suất: hàng ngày.
- Thực hiện quản lý chất thải phát sinh theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường; Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 quy định về quản lý chất thải y tế trong khuôn viên cơ sở y tế.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện trách nhiệm của chủ dự án đầu tư theo quy định tại Điều 37 Luật bảo vệ môi trường, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các quy định khác về trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo ĐTM được phê duyệt kết quả thẩm định trước khi đưa dự án vào hoạt động chính thức theo quy định.

- Thực hiện đúng các giải pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo ĐTM được phê duyệt kết quả thẩm định, tổ chức thu gom, xử lý toàn bộ các loại chất thải thi công và chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường;

- Hoàn thành xây dựng, vận hành các công trình, thiết bị xử lý chất thải phát sinh đảm bảo xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành trước khi thải ra môi trường; thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải và tiếng ồn đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về ứng cứu sự cố và các quy định khác của pháp luật trong toàn bộ các hoạt động của dự án.

- Thực hiện các quy định của pháp luật về đất đai trong quá trình triển khai dự án.

- Khối lượng đất, đá tận dụng lại cho dự án và đất dư thừa vận chuyển đi, chủ dự án phải thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật khác có liên quan.

- Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo ĐTM đã được phê duyệt kết quả thẩm định, chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 683/TTr-TNMT ngày 01/11/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.